

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Nghị quyết về Kế hoạch Đầu tư công năm 2022  
tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số ...../NQ-HĐND ngày .../12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số ...../NQ-HĐND ngày .../12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông báo kết luận số 373-TB/TU ngày 30/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Bình thông báo kết luận Hội nghị lần thứ 26 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về Kế hoạch Đầu tư công năm 2022 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý) với nội dung sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

**1. Nguồn vốn đầu tư:**

Tổng số vốn đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách tỉnh được giao tính đến ngày 30/11/2021 là: **1.842.786 triệu đồng** (trong đó: Ngân sách tỉnh phân bổ là 907.706 triệu đồng, Ngân sách huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 935.080 triệu đồng).

**2. Tình hình thực hiện:**

Năm 2021, việc triển khai thực hiện và quản lý vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả. UBND tỉnh giao vốn từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện sớm, việc bố trí vốn đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định; tập trung bố trí trả nợ đọng XDCB, bố trí cho các công



trình chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ưu tiên các công trình cấp bách, công trình trọng điểm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nguồn vốn bố trí trong kế hoạch đã tập trung hơn, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; việc quản lý các nguồn vốn chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch. Đã thực hiện tốt các quy định thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thực hiện lộ trình đấu thầu qua mạng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản<sup>1</sup> chỉ đạo các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư tra đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định.

Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài, ảnh hưởng nặng nề của đợt lũ lịch sử tháng 9 đến tháng 10 năm 2020, giá vật liệu tăng cao, việc huy động nhân công và công tác tập trung nhân lực đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án gặp nhiều khó khăn; trên địa bàn tỉnh, một số địa phương thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (tháng 4/2021, 8-9/2021), các công trình tạm dừng thi công, các đơn vị thi công ở ngoại tỉnh cũng không huy động nhân lực đến công trường được làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn. Để phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, phát huy hiệu quả nguồn vốn, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, điều chuyển vốn theo hướng điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân hoặc đã nghiệm thu dư vốn sang các dự án có tỷ lệ giải ngân tốt, cần bổ sung vốn.

## **II. NGUỒN VỐN, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

### **1. Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

<sup>1</sup> Văn bản số 231/UBND-TH ngày 22/02/2021; Thông báo số 1261/TB-VPUBND ngày 16/4/2021; Văn bản số 1004/UBND-TH ngày 16/6/2021; Kế hoạch số 1302/UBND-KH ngày 21/7/2021; Văn bản số 1758/UBND-TH ngày 01/9/2021; Văn bản số 2295/UBND-TH ngày 15/10/2021; Văn bản số 2468/UBND-TH ngày 05/11/2021.



Căn cứ Nghị quyết số ...../NQ-HĐND ngày .../12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số ...../2021/NQ-HĐND ngày .../12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2022;

## 2. Nguồn vốn phân bổ:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh dự kiến là: **2.728.370 triệu đồng**. Trong đó, nguồn vốn đầu tư công năm 2022 do tỉnh phân bổ là 1.248.240 triệu đồng; do huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.480.130 triệu đồng. Cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự kiến KH năm 2022
*	<b>TỔNG NGUỒN</b>	<b>2.728.370</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn tỉnh phân bổ</b>	<b>1.248.240</b>
1	Nguồn Ngân sách tập trung	273.240
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	900.000
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	45.000
4	Nguồn thu phí sử dụng KCHT khu vực cửa khẩu	30.000
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn giao cấp huyện phân bổ</b>	<b>1.480.130</b>
1	Nguồn Ngân sách tập trung	182.160
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.297.970

## 3. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ:

- Trên cơ sở Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý và Quyết định số /QĐ-TTg ngày /11/2021 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, việc phân bổ vốn cho các dự án bảo đảm các nguyên tắc:

- Phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Nghị quyết 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

- Việc phân bổ vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên sau:



- + Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành đã quyết toán; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;
- + Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA;
- + Bố trí vốn cho dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch; Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- + Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch;
- + Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình);
- + Bố trí vốn đối ứng 03 chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh;
- + Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng;
- + Bố trí vốn cho dự án khởi công mới theo các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5, Điều 51 của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

**4. Phương án phân bổ:** Phương án phân bổ thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý):

*(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)*

### **III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh quản lý; đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

### **IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:**

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn Ngân sách tỉnh quản lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

*(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Mạnh Hùng**



**PHỤ LỤC 01: CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ**  
 (Kèm theo Tờ trình số 2692/TTr-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	<b>Tổng nguồn</b>	<b>2.728.370</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn do tỉnh phân bổ</b>	<b>1.248.240</b>	
1	Vốn tập trung trong nước	273.240	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	900.000	
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	45.000	
4	Chi từ nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	30.000	
<b>II</b>	<b>Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ</b>	<b>1.480.130</b>	
1	Vốn tập trung trong nước	182.160	
-	Thành phố Đồng Hới	21.026	
-	Huyện Minh Hóa	22.563	
-	Huyện Tuyên Hóa	20.624	
-	Huyện Quảng Trạch	20.265	
-	Thị xã Ba Đồn	20.302	
-	Huyện Bố Trạch	29.704	
-	Huyện Quảng Ninh	19.677	
-	Huyện Lệ Thủy	27.999	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.297.970	





**PHỤ LỤC 02: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Tờ trình số *2090*/TTr-UBND ngày *03*./12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TỔNG VỐN DO TỈNH PHÂN BỐ</b>	<b>1.248.240</b>	
<b>I</b>	<b>Phân bổ theo thứ tự ưu tiên</b>	<b>248.545</b>	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	55.000	<i>Phân bổ chi tiết sau</i>
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	122.545	<i>Phụ lục 3</i>
3	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	15.000	
4	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	26.000	<i>Phân bổ chi tiết sau</i>
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	30.000	
<b>II</b>	<b>Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm, khởi công mới</b>	<b>999.695</b>	
1	Bố trí các Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang giai đoạn 2021-2025	132.003	<i>Phụ lục 4</i>
2	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	408.000	<i>Phụ lục 5</i>
3	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2022	459.693	<i>Phụ lục 6+7</i>
<b>B</b>	<b>TỔNG VỐN DO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ PHÂN BỐ</b>	<b>1.480.130</b>	

*h*





**PHỤ LỤC 3: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA**

(Kèm theo Tờ trình số 2690 TTTr-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số			Trong đó: vốn NS tỉnh
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tính				
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>775.783</b>	<b>551.807</b>	<b>309.170</b>	<b>307.470</b>	<b>122.545</b>	
<b>I</b>	<b>Đối ứng các dự án ODA</b>					<b>775.783</b>	<b>551.807</b>	<b>309.170</b>	<b>307.470</b>	<b>92.545</b>	
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, tỉnh Quảng Bình (JICA2)	Quảng Bình	2012	2021	1828/QĐ-UBND ngày 10/8/2012; 3075/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	21.367	20.367	9.495	7.795	300	
2	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017	2022	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017	176.748	176.748	129.874	129.874	29.874	Chưa bao gồm dự kiến kéo dài năm 2021 sang năm 2022: 17.000 triệu đồng
3	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2022	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	72.207	72.207	5.207	Chưa bao gồm dự kiến kéo dài năm 2021 sang năm 2022: 19.000 triệu đồng
4	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2023	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	259.650	118.030	80.010	80.010	19.010	
5	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	3.709	3.709	15.268	



### PHỤ LỤC 3: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh				
6	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2019	2023	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	13.876	13.876	8.199	
7	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2		2020	2024	1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	54.190	54.190	0	0	8.177	Bao gồm cả NS cấp tỉnh và NS cấp huyện
8	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình		2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	0	0	6.510	
<b>II</b>	<b>Dự phòng vốn đối ứng ODA</b>									<b>30.000</b>	



**PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP**

(Kèm theo Tờ trình số 2690/TT-Tr-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch năm 2021	Tổng số			Trong đó: vốn NS tỉnh
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>1.295.771</b>	<b>681.399</b>	<b>226.173</b>	<b>843.517</b>	<b>491.554</b>	<b>132.003</b>	
<b>I</b>	<b>DANH MỤC CHUYỂN TIẾP ĐÃ CÓ TRONG TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020</b>					<b>557.074</b>	<b>507.889</b>	<b>222.989</b>	<b>373.665</b>	<b>373.665</b>	<b>92.893</b>	
1	Dự án Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quán Hâu	Quảng Ninh	2017	2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 408/QĐ-UBND ngày 13/02/2017; 1142/QĐ-UBND ngày 10/4/2018; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021	57.000	57.000	0	17.000	17.000	12.000	
2	Kênh tưới nước Hồ Vân Tiên	Quảng Trạch	2020	2022	4102/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	8.600	5.000	2.000	3.500	3.500	1.350	
3	Hạ tầng công viên thị trấn Kiến Giang huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4227/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	25.000	15.000	6.000	10.500	10.500	4.050	
4	Khắc phục lấy lại 2 tuyến đường hạ tầng từ đường liên 5 xã đi trung tâm huyện lỵ mới Quảng Trạch	Quảng Trạch	2020	2022	4234/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.000	9.000	3.600	6.300	6.300	2.430	
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường nối từ đường Hồ Chí Minh đến khu hạ tầng di tích lịch sử cấp Quốc gia Hang Lèn Hà, xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4074/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	14.900	12.000	4.800	8.400	8.400	3.240	
6	Đường bê tông thôn Vĩnh Phước Nam xã Quảng Lộc	Ba Đồn	2020	2022	4230/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	3.600	1.440	2.520	2.520	972	
7	Đường vượt lũ thôn Hà Sơn xã Quảng Sơn	Ba Đồn	2020	2022	4231/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.000	2.400	960	1.680	1.680	648	
8	Cầu BTCT và đường hai đầu cầu từ xã Quảng Lộc đi trung tâm cụm các xã Vùng Nam	Ba Đồn	2020	2022	4295/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.500	11.000	5.740	8.170	8.170	2.500	Dự kiến điều chỉnh tăng 2021: 2500 triệu đồng



**PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**

(Kèm theo Tờ trình số **2620**TTr-UBND ngày **05/12/2021** của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
9	Sửa chữa nâng cấp đường GTNT Bắc Minh Lê xã Quảng Minh	Ba Đồn	2020	2022	3891/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	5.000	3.000	1.200	2.100	2.100	810	
10	Đường kết hợp kè chống ngập lụt tại địa bàn xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy (giai đoạn 2)	Lệ Thủy	2020	2022	3800/QĐ-UBND ngày 07/10/2019	6.000	3.600	1.440	2.520	2.520	972	
11	Ngầm tràn thôn 3 Thanh Long xã Quy Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4066/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	3.212	1.927	665	1.349	1.349	520	
12	Đường tránh lũ kết hợp di dân sau hồ Rào Đá xã Trường Xuân	Quảng Ninh	2020	2022	3620/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	6.000	3.600	1.440	2.520	2.520	972	
13	Bê tông hệ thống đường, cầu bản xã Châu Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4228/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	3.000	1.200	2.100	2.100	810	
14	Đường ngăn cản lửa và PCCC rừng phòng hộ ven biển Hải Ninh, Gia Ninh và Võ Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	3882/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	5.500	5.500	2.180	3.850	3.850	1.485	
15	Hạ tầng khuôn viên tổ chức hội chợ tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2020	2022	4180/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	26.000	26.000	10.400	18.200	18.200	7.020	
16	Hạ tầng xung quanh Nghĩa trang xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	Đồng Hới	2020	2022	4187/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.000	3.900	1.560	2.730	2.730	1.053	
17	Đường cứu hộ, cứu nạn dọc sông Gianh xã Quảng Tiên	Ba Đồn	2020	2022	4175/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	6.500	3.900	5.850	5.850	455	Dự kiến điều chỉnh tăng 2021: 1300 triệu đồng
18	Bê tông hóa các tuyến đường vùng Cỏ Bả về Bãi Nghè xã Quảng Thủy	Ba Đồn	2020	2022	4173/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.700	6.700	4.020	6.030	6.030	469	Dự kiến điều chỉnh tăng 2021: 1340 triệu đồng
19	Các tuyến đường giao thông xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2020	2022	4171/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500	6.500	4.550	6.500	6.500		Dự kiến điều chỉnh tăng 2021: 1950 triệu đồng
20	Các tuyến đường giao thông xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4296/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.000	7.500	3.000	5.250	5.250	2.025	



**PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**

(Kèm theo Tờ trình số **200** TT-UBND ngày **05**./12/2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
21	Xây dựng kè chống sạt lở hói Xuân Hối- Đông Thành xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4247/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000	3.000	4.500	4.500	350	Dự kiến điều chỉnh tăng 2021: 1000 triệu đồng
22	Tuyến đường từ thôn Hoàng Viễn đi xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4161/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.500	7.500	4.500	6.750	6.750	525	Dự kiến điều chỉnh tăng 2021: 1500 triệu đồng
23	Đường tránh lũ kết hợp đê bao ngăn mặn thôn Quảng Xá, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4152/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.500	5.000	2.000	3.500	3.500	1.350	
24	Đường liên thôn Xuân Dục 1-Xuân Dục 4, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4150/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000	3.000	4.500	4.500	350	Dự kiến đc tăng 2021: 1000 triệu đồng
25	Đường tránh lũ thôn Xuân Hạ, xã Văn Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4103/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	2.400	2.400	960	1.680	1.680	648	
26	Đường giao thông liên thôn tuyến thôn Trầm Mé đi thôn Na, xã Sơn Trạch	Bố Trạch	2020	2022	4176/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.000	6.000	2.400	4.200	4.200	1.620	
27	Nhà ở công vụ và nâng cấp khuôn viên công an huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	4135/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	6.500	2.600	4.550	4.550	1.755	
28	Cầu Sông Trước, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2020	2022	978a/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	20.000	10.050	14.000	14.000	5.400	
29	Đường phát triển kinh tế kết nối hạ tầng giao thông từ cầu Minh Lệ đi ga Ngân Sơn	Ba Đồn	2020	2022	4210/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.000	11.000	4.700	7.700	7.700	2.970	
30	Các tuyến đường GTNT xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4183/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	8.500	8.500	2.950	5.950	5.950	2.295	
31	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường Phan Đình Phùng rẽ vào Nhà máy phân loại, xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ đến Quốc lộ 1A	Đồng Hới, Bố Trạch	2020	2022	4159/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	20.000	20.000	10.500	14.000	14.000	5.400	
32	Đường tránh sau khu du lịch núi Thần Đinh xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4148/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	20.000	20.000	11.000	14.000	14.000	5.400	



**PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**

(Kèm theo Tờ trình số ~~269~~ TTTr-UBND ngày ~~05~~./12/2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
33	Khắc phục khẩn cấp đường nội thị trấn Đồng Lê	Tuyên Hóa	2020	2022	2703/QĐ-UBND ngày 04/8/2020	14.600	14.600	7.220	10.220	10.220	3.942	
34	Tuyến đường nối từ phía Nam hồ Bàu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương	Quảng Trạch	2020	2022	4717/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	15.000	15.000	7.500	10.500	10.500	4.050	
35	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường dọc bờ sông Kiến Giang đoạn từ cầu Phong Xuân đi tích lịch sử chiến thắng Xuân Bô, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020	2022	3492/QĐ-UBND ngày 24/9/2020	15.000	15.000	5.250	14.250	14.250	300	Dự kiến đề tăng 2021: 3750 triệu đồng
36	Nhà ăn, ở thường trực cán bộ chiến sỹ tại trụ sở Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2020	2022	4163/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.000	10.000	4.000	8.000	8.000	1.700	
37	Xây dựng cầu kiểm soát cửa sông Ròn	Quảng Trạch	2020	2022	2498/QĐ-UBND ngày 17/7/2020	5.000	5.000	500	3.500	3.500	1.350	
38	Đầu tư mua sắm trang thiết bị phòng dựng truyền hình và phục vụ công tác thông tin, truyền thông và thông kê khoa học và công nghệ	Quảng Bình	2020	2022	4240/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.500	3.500	2.100	3.150	3.150	245	
39	Đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ	Đồng Hới	2020	2022	4192/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.950	10.950	6.570	9.855	9.855	767	
40	Đầu tư nâng cấp, hạ tầng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình năm 2020	Đồng Hới	2020	2022	4100/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	7.000	7.000	4.200	6.300	6.300	490	
41	Triển khai thí điểm một số dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2020	2022	110/NQ-HĐND ngày 8/7/2020	4.000	4.000	2.400	3.600	3.600	280	
42	Nhà đa năng Trường THCS & THPT Việt Trung	Bố Trạch	2020	2022	4238/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	6.000	4.800	5.400	5.400	420	
43	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng trường Tiểu học khu vực trung tâm thôn Hợp Trung xã Quảng Hợp	Quảng Trạch	2020	2022	4258/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.500	4.500	2.475	4.050	4.050	315	
44	Nhà lớp học Trường THPT Lê Lợi	Ba Đồn	2020	2022	4218/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.200	4.200	2.537	3.780	3.780	294	
45	Nhà đa năng trường THPT Minh Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4222/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.200	5.200	2.860	4.680	4.680	364	
46	Nhà đa năng trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2020	2022	4214/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.200	5.200	2.860	4.680	4.680	364	
47	Nhà lớp học trường THPT Phan Đình Phùng	Đồng Hới	2020	2022	4209/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.200	4.200	2.310	3.780	3.780	294	
48	Nhà đa năng trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2020	2022	4003/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	6.994	6.994	3.846	6.294	6.294	490	



**PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**

(Kèm theo Tờ trình số 269/TT-Tr-UBND ngày 05/12/2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
49	Sửa chữa dây nhà 3 tầng THPT Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4004/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	2.458	2.458	1.352	2.212	2.212	172	
50	Hệ thống thoát nước và sân đường nội bộ trường THPT Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2020	2022	4181/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.500	4.500	2.475	4.050	4.050	315	
51	Nhà đa năng Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2020	2022	4226/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	6.500	3.575	5.850	5.850	455	
52	Nhà vệ sinh và đường chạy môn học giáo dục thể chất trường THPT Quang Trung, xã Quảng Phú	Quảng Trạch	2020	2022	4006/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	1.988	1.988	1.093	1.789	1.789	139	
53	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và nhà vệ sinh của học sinh, giáo viên Trường THPT Quảng Ninh	Quảng Ninh	2020	2022	4261/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.815	5.815	3.199	5.234	5.234	407	
54	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS & THPT Việt Trung	Bố Trạch	2020	2022	2915/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	4.000	4.000	2.200	3.600	3.600	280	
55	Nhà thi đấu đa năng trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2020	2022	4002/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	5.757	5.757	3.166	5.181	5.181	403	
56	Nhà lớp học 10 phòng trường THPT Lê Hồng Phong	Ba Đồn	2020	2022	4219/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.000	7.000	3.850	6.300	6.300	490	
57	Nhà hiệu bộ Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2020	2022	4237/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.000	6.000	3.300	5.400	5.400	420	
58	Khu nhà bán trú cho học sinh dân tộc (20 phòng) và trang thiết bị nội thất phục vụ nhu cầu bán trú cho học sinh dân tộc Trường THCS&THPT Hóa Tiến	Minh Hóa	2020	2022	2820/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	7.000	7.000	3.850	6.300	6.300	490	
59	Nhà thư viện, hội trường, văn phòng trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2020	2022	3644/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.000	4.000	2.200	3.600	3.600	280	
60	Nhà thi đấu đa năng Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2020	2022	3572/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	6.000	6.000	4.800	5.400	5.400	420	
61	Nhà đa năng trường THPT Lê Lợi	Quảng Trạch	2020	2022	4213/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.200	5.200	2.860	4.680	4.680	364	
62	Cải tạo và nâng cấp Nhà giảng đường A3 Trường Đại học Quảng Bình	Đồng Hới	2020	2022	4156/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000	5.000	2.750	4.500	4.500	350	
63	Nhà đa năng trường THPT Phan Đình Phùng	Đồng Hới	2020	2022	4209/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.700	5.700	3.135	5.130	5.130	399	
<b>II</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020 BỔ SUNG VÀO KH 2021-2025</b>					<b>236.608</b>	<b>36.521</b>	<b>-</b>	<b>5.516</b>	<b>3.643</b>	<b>19.949</b>	



**PHỤ LỤC 4: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP**

(Kèm theo Tờ trình số ~~2690~~ /TTr-UBND ngày ~~03~~ /12/2021 của UBND tỉnh)


Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Số vốn đã giao đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
1	Củng cố, nâng cấp đê, kè cửa sông Nhật Lệ (bờ Tả+ bờ hữu), huyện Quảng Ninh và thành phố Đồng Hới	Quảng Ninh, Đồng Hới	2012	2014	2861/QĐ-CT ngày 21/11/2012	149.212	11.220				4.291	
2	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (GD1)	Đồng Hới	2018	2022	QĐ số 3355/QĐ-UBND ngày 10/10/2018; 4892/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	72.383	12.161				6.161	
3	Xây dựng các khu tái định cư, khu nghĩa trang phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng QL 12A đoạn tránh Nhà máy xi măng sông Gianh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Trạch, Ba Đồn	2012	2012	2480/QĐ-UBND ngày 8/9/2009	15.013	13.140		5.516	3.643	9.497	
4	Đường từ Quốc lộ 1A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2015	2021	3154/QĐ-UBND ngày 31/10/2021; 3435/QĐ-UBND ngày 27/11/2014; 250/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; 2385/QĐ-UBND ngày 13/07/2020	110.149	10.049		100.000		10.049	
<b>III</b>	<b>CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM CHUYÊN TIẾP SANG 2021-2025</b>					<b>391.940</b>	<b>126.940</b>	<b>3.184</b>	<b>364.336</b>	<b>114.246</b>	<b>9.112</b>	
1	Trụ sở Tỉnh ủy	Đồng Hới	2013	2019	2429/QĐ-UBND ngày 04/10/2013; 3419/QĐ-UBND ngày 26/11/2014; 3490/QĐ-UBND ngày 04/12/2015	391.940	126.940	3.184	364.336	114.246	9.112	



**PHỤ LỤC 5: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM**

(Kèm theo Tờ trình số **269/TTr-UBND** ngày **03/12/2021** của UBND tỉnh)



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh		
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>3.960.000</b>	<b>1.260.000</b>	<b>408.000</b>	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025		300.000	300.000	60.000	
2	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024		110.000	110.000	33.000	
3	Kè biển xã Cảnh Dương	Quảng Trạch	2022	2024		50.000	50.000	15.000	
4	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	3.500.000	800.000	300.000	







**PHỤ LỤC 6: CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số 2690 TT-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		KH năm 2022	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1.009.300</b>	<b>1.009.300</b>	<b>323.790</b>
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC KINH TẾ</b>					<b>378.800</b>	<b>378.800</b>	<b>113.640</b>
<b>I</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN</b>					<b>106.800</b>	<b>106.800</b>	<b>32.040</b>
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Đông Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022	2024		12.000	12.000	3.600
2	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phần mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024		10.000	10.000	3.000
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2022	2024		37.000	37.000	11.100
4	Nâng cấp, xây dựng mới các hạt, trạm kiểm lâm thuộc chi cục Kiểm Lâm	Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa	2022	2024		14.800	14.800	4.440
5	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022	2024		20.000	20.000	6.000
6	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022	2024		5.000	5.000	1.500
7	Sửa chữa nâng cấp đập A và đập B công trình Rào Sen, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024		8.000	8.000	2.400
<b>II</b>	<b>GIAO THÔNG</b>					<b>52.000</b>	<b>52.000</b>	<b>15.600</b>
1	Xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024		52.000	52.000	15.600
<b>III</b>	<b>KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP</b>					<b>60.000</b>	<b>60.000</b>	<b>18.000</b>
1	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2024		60.000	60.000	18.000
<b>IV</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>					<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	<b>7.500</b>
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024		25.000	25.000	7.500
<b>V</b>	<b>DU LỊCH</b>					<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>22.500</b>
1	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mế (gd2)	Bố Trạch	2022	2024		20.000	20.000	6.000



**PHỤ LỤC 6: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số 2650/TTr-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH năm 2022
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngá, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Tra Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022	2024		25.000	25.000	7.500
3	Đường phòng cháy, chữa cháy kết hợp tuần tra bảo vệ rừng và du lịch sinh thái từ Km3 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến sân bay Khe Gát	Bố Trạch	2022	2024		30.000	30.000	9.000
<b>VI</b>	<b>CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ</b>					<b>35.000</b>	<b>35.000</b>	<b>10.500</b>
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024		35.000	35.000	10.500
<b>VII</b>	<b>TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>					<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	<b>7.500</b>
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022	2024		25.000	25.000	7.500
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI</b>					<b>301.500</b>	<b>301.500</b>	<b>164.850</b>
<b>I</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH</b>					<b>43.000</b>	<b>43.000</b>	<b>12.900</b>
1	Đầu tư xây dựng khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thống kê Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		10.000	10.000	3.000
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022	2024		8.000	8.000	2.400
3	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		25.000	25.000	7.500
<b>II</b>	<b>VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI</b>					<b>111.000</b>	<b>111.000</b>	<b>54.300</b>
1	Dự án Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình (hỗ trợ hạng mục giải phóng mặt bằng)	Đồng Hới	2022	2022		30.000	30.000	30.000
2	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024		20.000	20.000	6.000
3	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu lăng mộ Lễ Thành Hầu Thượng Đăng Thân Nguyễn Hữu Cảnh	Lệ Thủy	2022	2024		15.000	15.000	4.500



**PHỤ LỤC 6: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số 1630 TTTr-UBND ngày 03 /12/2021 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH năm 2022
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
4	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đồng Hới	2022	2024		23.000	23.000	6.900
5	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thanh niên xung phong Xuân Sơn	Bố Trạch	2022	2024		15.000	15.000	4.500
6	Nhà thi đấu đa năng và khu vui chơi trong nhà thuộc Nhà Thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		8.000	8.000	2.400
III	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>					<b>20.500</b>	<b>20.500</b>	<b>6.150</b>
1	Nâng cấp, phát triển mạng diện rộng của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Toàn tỉnh	2022	2024		7.000	7.000	2.100
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Đồng Hới	2022	2024		4.500	4.500	1.350
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		4.500	4.500	1.350
4	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024		4.500	4.500	1.350
IV	<b>GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Thuộc nhiệm chi vụ cấp tỉnh)</b>					<b>127.000</b>	<b>127.000</b>	<b>38.100</b>
1	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022	2024		9.000	9.000	2.700
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022	2024		7.500	7.500	2.250
3	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024		8.500	8.500	2.550
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022	2024		7.000	7.000	2.100
5	Dãy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024		12.000	12.000	3.600
6	Nhà đa năng và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2022	2024		8.000	8.000	2.400
7	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022	2024		7.000	7.000	2.100
8	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS và THPT Dương Văn An	Lệ thủy	2022	2024		8.000	8.000	2.400
9	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024		7.500	7.500	2.250



**PHỤ LỤC 6: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số 2690 TTTr-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH năm 2022
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
10	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024		8.000	8.000	2.400
11	Ký túc xá học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Đồng Hới	2022	2024		15.000	15.000	4.500
12	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2022	2024		8.500	8.500	2.550
13	Cải tạo khu Ký túc xá học sinh trường PTDTNT tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		5.000	5.000	1.500
14	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024		8.000	8.000	2.400
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024		8.000	8.000	2.400
<b>C</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>					<b>178.000</b>	<b>178.000</b>	<b>53.400</b>
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022	2024		20.000	20.000	6.000
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đồng Hới	2022	2025		80.000	80.000	24.000
3	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2022	2024		30.000	30.000	9.000
4	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		12.000	12.000	3.600
5	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		7.000	7.000	2.100
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc	Đồng Hới	2022	2024		8.000	8.000	2.400
7	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2024		6.000	6.000	1.800
8	Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc	TP Đồng Hới và các huyện	2022	2024		5.000	5.000	1.500
9	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022	2024		10.000	10.000	3.000
<b>D</b>	<b>LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG-AN NINH</b>					<b>151.000</b>	<b>151.000</b>	<b>45.300</b>
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		28.000	28.000	8.400



**PHỤ LỤC 6: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số **2690** TTTr-UBND ngày **03**/12/2021 của UBND tỉnh)



DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH năm 2022
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2022	2024		22.000	22.000	6.600
3	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022	2024		25.000	25.000	7.500
4	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến UBND xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024		25.000	25.000	7.500
5	Thao trường bắn biể Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình (Hạng mục: Đài tham quan chỉ huy bắn đạn thật và hạ tầng khu hậu phương)	Lệ Thủy	2022	2024		16.000	16.000	4.800
6	Trung tâm huấn luyện Thể dục thể thao và điều lệnh/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		15.000	15.000	4.500
7	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024		20.000	20.000	6.000







**PHỤ LỤC 7: CÁC NGUỒN VỐN SẼ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NĂM 2022 SAU KHI HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Tờ trình số ~~2690~~ <sup>2690</sup>./TTr-UBND ngày ~~03~~ <sup>03</sup>./12/2021 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	TMĐT (dự kiến)		KH năm 2022
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.235.435</b>	<b>2.235.435</b>	<b>135.903</b>
I	LĨNH VỰC Y TẾ (Nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện, hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng)	Toàn tỉnh	2022	2025	300.000	300.000	25.000
II	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH	Toàn tỉnh	2022	2025	800.000	800.000	25.000
III	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	Toàn tỉnh	2022	2025	1.135.435	1.135.435	85.903

~



